**ĐỀ VẬT LÝ SỞ BẮC GIANG NH 2022-2023**

**Câu 1:** Một đoạn mạch điện xoay chiều không phân nhánh, gồm: $R=100\sqrt{3}Ω$, tụ điện có điện dung $C=31,8μF$, mắc vào điện áp xoay chiều $u=100\sqrt{2}cos100πt(V)$. Công suất tiêu thụ năng lượng điện của đoạn mạch là

**A**$. P=12,357 W$ **B**$. P=57,67 W$ **C**$. P=100 W$ **D**$. P=43,3 W$

**Câu 2:** Số vòng dây của cuộn sơ cấp của một máy biến áp là 1000 vòng. Nếu đặt vào hai đầu của cuộn sơ cấp một điện áp xoay chiều có điện áp hiệu dụng là $2kV$ thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn thứ cấp là $100 V$. Số vòng dây của cuộn thứ cấp là

**A.** 500 **B.** 200 **C.** 100 **D.** 50

**Câu 3:** Con lắc lò xo $m=250 g,k=100 N/m$, con lắc chịu tác dụng của ngoại lực cưỡng bức biến thiên tuần hoàn. Thay đổi tần số góc thì biên độ cưỡng bức thay đổi. Khi tần số góc lần lượt là $28rad/s$ và $15rad/s$ thì biên độ lần lượt là $A\_{1}$ và $A\_{2}$. So sánh $A\_{1}$ và $A\_{2}$

**A**$. A\_{1}>A\_{2}$ **B**$. A\_{1}=1,5 A\_{2}$ **C**$. A\_{1}=A\_{2}$ **D**$. A\_{1}<A\_{2}$

**Câu 4:** Điều kiện có sóng dừng tên dây chiều dài $l$ khi một đầu dây cố định và đầu còn lại tự do là

**A**$. l=k\frac{λ}{2}$ **B**$. l=(2k+1)\frac{λ}{2}$ **C**$. l=kλ$ **D**$. l=(2k+1)\frac{λ}{4}$

**Câu 5:** Nhiệt lượng $Q$ do dòng điện có biểu thức $i=2cos120πt(A)$ tỏa ra khi đi qua điện trở $R=10Ω$ trong thời gian $t=0,5$ phút là

**A**$. 400 J$ **B**$. 1000 J$ **C**$. 200 J$ **D**$. 600 J$

**Câu 6:** Trong hiện tượng giao thoa sóng trên mặt nước, khoảng cách giữa hai cực đại liên tiếp nằm trên đường nối tâm hai sóng có độ dài là

**A.** hai lần bước sóng **B.** một phần tư bước sóng

**C.** một bước sóng **D.** một nửa bước sóng

**Câu 7:** Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, có phương trình lần lượt là $x\_{1}=6sin\left(πt+φ\_{1}\right)cm$ và $x\_{2}=8cos(πt+π/3)cm$. Khi biên độ dao động tổng hợp có giá trị $A=14 cm$ thì pha ban đầu của dao động thứ nhất là

**A**$. 2π/3rad$ **B**$. π/3rad$ **C**$. 5π/6rad$ **D**$. π/6rad$

**Câu 8:** Một máy phát điện xoay chiều một pha có rôto gồm 4 cặp cực từ, rôto của máy quay đều với tốc độ 750 vòng/phút. Suất điện động do máy phát tạo ra có tần số bằng

**A**$. 60 Hz$ **B**$. 120 Hz$ **C**$. 50 Hz$ **D**$. 100 Hz$

**Câu 9:** Trong các đại lượng đặc trưng cho dòng điện xoay chiều sau dây, đại lượng nào có dùng giá trị hiệu dụng?

**A.** công suất **B.** tần số **C.** điện áp **D.** chu kì

**Câu 10:** Trong dao động điều hòa của một con lắc lò xo, nếu tăng khối lượng của vật nặng thêm $50\%$ thì chu kì dao động của con lắc

**A.** tăng $\frac{3}{2}$ lần **B.** tăng $\frac{\sqrt{6}}{2}$ lần **C.** giảm $\frac{\sqrt{6}}{2}$ lần **D.** giảm $\frac{\sqrt{3}}{2}$ lần

**Câu 11:** Sóng truyền từ $M$ đến $N$ dọc theo phương truyền sóng với bước sóng bằng $120 cm$. Khoảng cách $d=MN$ bằng bao nhiêu biết sóng tại $N$ trễ pha hơn sóng tại $M$ một góc $π/2rad$

**A**$. d=30 cm$ **B**$. d=15 cm$ **C**$. d=24 cm$ **D**$. d=20 cm$

**Câu 12:** Chọn phát biểu sai khi nói về dao động tắt dần?

**A.** dao động tắt dần càng chậm nếu như năng lượng ban đầu truyền cho hệ dao động càng lớn và hệ số lực cản môi trường càng nhỏ

**B.** lực cản môi trường hay lực ma sát luôn sinh công âm

**C.** biên độ hay năng lượng dao động giảm dần theo thời gian

**D.** dao động tắt dần luôn có hại nên người ta phải tìm mọi cách để khắc phục dao động này

**Câu 13:** Trong thí nghiệm giao thoa sóng trên mặt nước, hai nguồn kết hợp $A,B$ dao động cùng pha với tần số $20 Hz$, tại một điểm $M$ cách $A$ và $B$ lần lượt là $16 cm$ và $20 cm$, sóng có biên độ cực đại, giữa $M$ và đường trung trực của $AB$ có 3 dãy cực đại khác, tốc độ truyền sóng trên mặt nước là bao nhiêu?

**A**$. v=20 cm/s$ **B**$. v=40 cm/s$ **C**$. v=53,4 cm/s$ **D**$. v=26,7 cm/s$

**Câu 14:** Mạch điện xoay chiều RLC mắc nối tiếp đang có tính cảm kháng, khi tăng tần số của dòng điện xoay chiều thì hệ số công suất của mạch

**A.** giảm **B.** tăng **C.** không thay đổi **D.** bằng 1

**Câu 15:** Hai điểm $O\_{1},O\_{2}$ trên mặt nước dao động cùng biên độ, cùng pha. $BiếtO\_{1}O\_{2}=3 cm$. Giữa $O\_{1}$ và $O\_{2}$ có một gợn thẳng và 14 gợn lồi dạng hypebol mỗi bên. Khoảng cách giữa $O\_{1}$ và $O\_{2}$ đến gợn lồi gần nhất là $0,1 cm$. Bước sóng $λ$ có giá trị là

**A**$. λ=0,4 cm$ **B**$. λ=0,8 cm$ **C**$. λ=0,2 cm$ **D**$. λ=0,6 cm$

**Câu 16:** Hai con lắc đơn dao động tại cùng một vị trí có hiệu chiều dài bằng $30 cm$. Trong cùng một khoảng thời gian, con lắc thứ 1 thực hiện được 10 dao động thì con lắc thứ 2 thực hiện 20 dao động. Chiều dài con lắc thứ nhất là

**A**$. l\_{1}=10 cm$ **B**$. l\_{1}=60 cm$ **C**$. l\_{1}=40 cm$ **D**$. l\_{1}=50 cm$

**Câu 17:** Đặt vào hai bản tụ điện có điện dung $C=\frac{10^{-4}}{π}F$ một điện áp xoay chiều $u=120cos⁡(100πt-π/6)(V)$. Chọn biểu thức đúng về cường độ dòng điện qua tụ điện?

**A**$. i=12cos⁡(100πt+π/3)A$ **B**$. i=1200cos⁡(100πt+π/3)A$

**C**$. i=12cos⁡(100πt-2π/3)A$ **D**$. i=1,2cos⁡(100πt+π/3)A$

**Câu 18:** Khi tăng điện áp ở nơi truyền đi lên 50 lần thì công suất hao phí trên đường dây

**A.** tăng 2500 lần **B.** tăng 50 lần **C.** giảm 50 lần **D.** giảm 2500 lần

**Câu 19:** Gia tốc tức thời trong dao động điều hòa biến đổi

**A.** lệch pha $π/4$ so với li độ **B.** ngược pha với li độ

**C.** lệch pha vuông góc so với li độ **D.** cùng pha với li độ

**Câu 20:** Một con lắc lò xo thẳng đứng gồm lò xo có độ cứng k, vật có khối lượng $m$, chiều dài tự nhiên $125 cm$. Chọn gốc tọa độ ở VTCB, trục $Ox$ thẳng đứng, chiều dương hướng xuống. Vật dao động với phương trình $x=10sin(2πt-π/6)cm$. Lấy $g=10 m/s^{2},π^{2}≈10$. Chiều dài của lò xo ở thời điểm $t=0$ là

**A**$. 122,5 cm$ **B**$. 115 cm$ **C**$. 150 cm$ **D**$. 145 cm$

**Câu 21:** Một sóng cơ học lan truyền trên một phương truyền sóng với tốc độ $v=40 cm/s$. Phương trình sóng của một điểm $O$ trên phương truyền sóng đó là $u\_{O}=2cosπt (cm)$. Phương trình sóng tại điểm $M$ nằm trước $O$ và cách $O$ một đoạn $10 cm$ là

**A**$. u\_{M}=2cos(πt-3π/4)cm$ **B**$. u\_{M}=2cos(πt-π)cm$

**C**$. u\_{M}=2cos(πt+π/4)cm$ **D**$. u\_{M}=2cos(πt)cm$

**Câu 22:** Cho mạch điện xoay chiều RLC nối tiếp. Đặt vào hai đầu đoạn mạch một điện áp $u=U\_{0}cosωt(V)$. Công thức tính tổng trở của mạch là

**A**$. Z=R^{2}+\left(ωL-\frac{1}{ωC}\right)^{2}$ **B**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωC-\frac{1}{ωL}\right)^{2}}$

**C**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωL+\frac{1}{ωC}\right)^{2}}$ **D**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωL-\frac{1}{ωC}\right)^{2}}$

**Câu 23:** Một chất điểm dao động điều hòa có phương trình $x=4cos(πt+π/4)cm$. Tại thời điểm $t=1 s$, tính chất chuyển động của vật là

**A.** nhanh dần theo chiều dương **B.** chậm dần theo chiều âm

**C.** chậm dần theo chiều dương **D.** nhanh dần theo chiều âm

**Câu 24:** Một sóng âm truyền từ không khí vào nước thì

**A.** tần số và bước sóng đều thay đổi

**B.** tần số không thay đổi, còn bước sóng giảm

**C.** tần số thay đổi, còn bước sóng không thay đổi

**D.** tần số không thay đổi, còn bước sóng tăng

**Câu 25:** Một vật thực hiện đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số có phương trình $x\_{1}=A\_{1}sin\left(ωt+φ\_{1}\right)cm,x\_{2}=A\_{2}sin⁡\left(ωt+φ\_{2}\right)cm$ thì biên độ của dao động tổng hợp lớn nhất khi

**A**$. φ\_{2}-φ\_{1}=k2π$ **B**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)\frac{π}{4}$

**C**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)π$ **D**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)\frac{π}{2}$

**Câu 26:** Tốc độ truyền sóng cơ học phụ thuộc vào

**A.** bản chất của môi trường truyền sóng **B.** biên độ sóng

**C.** bước sóng **D.** tần số sóng

**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây là không đúng. Trong mạch điện xoay chiều không phân nhánh khi điện dung của tụ điện thay đổi và thỏa mãn điều kiện $ω=\frac{1}{\sqrt{LC}}$ thì

**A.** cường độ dòng điện hiệu dụng trong mạch đạt cực đại

**B.** cường độ dòng điện cùng pha với điện áp giữa hai đầu đoạn mạch

**C.** điện áp hiệu dụng giữa hai đầu tụ điện đạt cực đại

**D.** công suất tiêu thụ trung bình trong mạch đạt cực đại

**Câu 28:** Một con lắc đơn chiều dài $l$, dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường với biên độ góc nhỏ. Chu kì dao động của nó là

**A**$. T=\sqrt{\frac{g}{l}}$ **B**$. T=\frac{1}{2π}\sqrt{\frac{l}{g}}$ **C**$. T=2π\sqrt{\frac{g}{l}}$ **D**$. T=2π\sqrt{\frac{l}{g}}$

**Câu 29:** Sóng âm nghe được là sóng cơ học dọc có tần số nằm trong khoảng

**A**$. 16 Hz$ đến $20MHz$ **B**$. 16 Hz$ đến $2.10^{4} Hz$ **C**$. 16 Hz$ đến $200KHz$ **D**$. 16 Hz$ đến $2KHz$

**Câu 30:** Một con lắc đơn có chiều dài dây treo $l$, dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường g. Khi tăng chiều dài dây treo thêm $21\%$ thì tần số dao động của con lắc sẽ

**A.** giảm $21\%$ **B.** tăng $11\%$ **C.** giảm $11\%$ **D.** giảm $9\%$

**Câu 31:** Dây $AB$ dài $40 cm$ căng ngang, 2 đầu cố định, khi có sóng dừng thì tại $M$ là bụng thứ 4 (kể từ $B$), biết $BM=14 cm$. Tổng số bụng sóng trên dây $AB$ là

**A.** 11 **B.** 10 **C.** 12 **D.** 9

**Câu 32:** Cho đoạn mạch RL nối tiếp, điện áp hai đầu đoạn mạch có dạng $u=100\sqrt{2}sin100πt(V)$ thì biểu thức dòng điện qua mạch là $i=2\sqrt{2}sin(100πt-π/6)(A)$. Tìm giá trị của R

**A**$. R=25\sqrt{3}Ω$ **B**$. R=20Ω$ **C**$. R=25Ω$ **D**$. R=30Ω$

**Câu 33:** Biểu thức hiệu điện thế hai đầu một đoạn mạch $u=200cosωt (V)$. Tại thời điểm $t$, điện áp $u=100V$ và đang tăng. Hỏi vào thời điểm $t^{'}=t+\frac{T}{4}$ điện áp u có giá trị bằng bao nhiêu?

**A**$. -100 V$ **B**$. 100 V$ **C**$. 100\sqrt{3} V$ **D**$. 100\sqrt{2} V$

**Câu 34:** Một vật dao động điều hòa trên trục $Ox$ với chu kì 12 giây. Trong 4 giây đầu vật đi quãng đường $S$, trong 2 giây tiếp theo đi được quãng đường S. Trong 2 giây tiếp theo vật đi được quãng đường là

**A**$. \frac{\sqrt{2}}{2}S$ **B**$. \frac{1}{2}S$ **C**$. \frac{\sqrt{3}+1}{2}S$ **D**$. \frac{\sqrt{3}}{2}S$

**Câu 35:** Đặt điện áp xoay chiều $u=U\sqrt{2}cos⁡(ωt+φ)(V)$ không đổi vào hai đầu đoạn mạch $AB$. Hình bên gồm đoạn mạch $AB$ và đồ thị biểu diễn điện áp $u\_{AN}$ và $u\_{MB}$ phụ thuộc vào thời gian $t$. Biết công suất tiêu thụ trên đoạn mạch $AM$ bằng công suất tiêu thụ trên đoạn MN. Điện áp hiệu dụng U gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**$. 29 V$ **B**$. 16 V$

**C**$. 38 V$ **D**$. 20 V$

**Câu 36:** Một sợi dây đàn hồi có chiều dài $84 cm$ với hai đầu cố định đang có sóng dừng. Trong các phần tử trên dây mà tại đó sóng tới và sóng phản xạ lệch nhau $\pm \frac{π}{3}+2kπ$ (k là các số nguyên) thì hai phần tử dao động ngược pha cách nhau gần nhất là $8 cm$. Trên dây, khoảng cách xa nhất giữa hai phần tử dao động cùng pha với biên độ bằng một nửa biên độ của bụng sóng là

**A**$. 80 cm$ **B**$. 64 cm$ **C**$. 76 cm$ **D**$. 68 cm$

**Câu 37:** Ở mặt chất lỏng, tại hai điểm $A$ và $B$ có hai nguồn dao động cùng pha theo phương vuông góc với mặt chất lỏng phát ra hai dòng kết hợp với bước sóng $λ$. Gọi $C,D$ là hai điểm ở mặt chất lỏng sao cho $ABCD$ là hình vuông. I là trung điểm của $AB,M$ là một điểm nằm ngang trong hình vuông $ABCD$ xa I nhất mà phần từ chất lỏng tại đó dao động với biên độ cực đại và cùng pha với nguồn. Biết $AB=2,4λ$. Độ dài đoạn thẳng $MI$ gần nhất giá trị nào sau đây?

**A**$. 2,25λ$ **B**$. 1,88λ$ **C**$. 2,29λ$ **D**$. 1,6λ$

**Câu 38:** Một lò xo nhẹ nằm ngang có độ cứng $100 N/m$, một đầu gắn vào điểm cố định, đầu kia gắn với vật nhỏ có khối lượng $100 g$. Từ vị trí cân bằng, kéo vật đến vị trí lò xo dãn $5 cm$ rồi buông nhẹ cho vật dao động điều hòa. Bỏ qua mọi ma sát. Lấy $π^{2}=10$. Khi vật cách vị trí cân bằng 2,5cm, người ta đột ngột giữ chặt điểm chính giữa của lò xo. Sau đó, tốc độ dao động cực đại của vật gần bằng

**A**$. 148 cm/s$ **B**$. 105 cm/s$ **C**$. 47 cm/s$ **D**$. 158 cm/s$

**Câu 39:** Hai điểm $M,N$ cùng nằm trên một phương truyền sóng cách nhau $λ/6$. Tại thời điểm $t$, khi li độ dao động tại $M$ là $u\_{M}=+3 mm$ thì li độ dao động tại $N$ là $u\_{N}=-3 mm$. Biên độ sóng bằng

**A**$. 2\sqrt{3} mm$ **B**$. 3\sqrt{2} mm$ **C**$. 6 mm$ **D**$. 4 mm$

**Câu 40:** Đặt một điện áp xoay chiều $u=U\sqrt{2}cos⁡ωt(V)$ (với U không đổi, $ω$ có thể thay đổi được) vào một đoạn mạch gồm có điện trở R, tụ điện và cuộn cảm thuần có hệ số tự cảm là $\frac{1,6}{π}H$ mắc nối tiếp. Khi $ω=ω\_{0}$ thì công suất tiêu thụ trên đoạn mạch đạt giá trị cực đại và bằng $732 W$. Khi $ω=ω\_{1}$ hoặc $ω=ω\_{2}$ thì công suất tiêu thụ trên đoạn mạch trong hai trường hợp đều bằng 300 W. Biết $ω\_{1}-ω\_{2}=120π(rad/s)$. Giá trị của R bằng

**A**$. 400Ω$ **B**$. 240,3Ω$ **C**$. 160Ω$ **D**$. 133,3Ω$

**ĐỀ VẬT LÝ SỞ BẮC GIANG NH 2022-2023**

**Câu 1:** Một đoạn mạch điện xoay chiều không phân nhánh, gồm: $R=100\sqrt{3}Ω$, tụ điện có điện dung $C=31,8μF$, mắc vào điện áp xoay chiều $u=100\sqrt{2}cos100πt(V)$. Công suất tiêu thụ năng lượng điện của đoạn mạch là

**A**$. P=12,357 W$ **B**$. P=57,67 W$ **C**$. P=100 W$ **D**$. P=43,3 W$

**Hướng dẫn**



. **Chọn D**

**Câu 2:** Số vòng dây của cuộn sơ cấp của một máy biến áp là 1000 vòng. Nếu đặt vào hai đầu của cuộn sơ cấp một điện áp xoay chiều có điện áp hiệu dụng là $2kV$ thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn thứ cấp là $100 V$. Số vòng dây của cuộn thứ cấp là

**A.** 500 **B.** 200 **C.** 100 **D.** 50

**Hướng dẫn**

. **Chọn D**

**Câu 3:** Con lắc lò xo $m=250 g,k=100 N/m$, con lắc chịu tác dụng của ngoại lực cưỡng bức biến thiên tuần hoàn. Thay đổi tần số góc thì biên độ cưỡng bức thay đổi. Khi tần số góc lần lượt là $28rad/s$ và $15rad/s$ thì biên độ lần lượt là $A\_{1}$ và $A\_{2}$. So sánh $A\_{1}$ và $A\_{2}$

**A**$. A\_{1}>A\_{2}$ **B**$. A\_{1}=1,5 A\_{2}$ **C**$. A\_{1}=A\_{2}$ **D**$. A\_{1}<A\_{2}$

**Hướng dẫn**

 gần 15 rad/s hơn nên . **Chọn D**

**Câu 4:** Điều kiện có sóng dừng tên dây chiều dài $l$ khi một đầu dây cố định và đầu còn lại tự do là

**A**$. l=k\frac{λ}{2}$ **B**$. l=(2k+1)\frac{λ}{2}$ **C**$. l=kλ$ **D**$. l=(2k+1)\frac{λ}{4}$

**Hướng dẫn**

**Chọn A**

**Câu 5:** Nhiệt lượng $Q$ do dòng điện có biểu thức $i=2cos120πt(A)$ tỏa ra khi đi qua điện trở $R=10Ω$ trong thời gian $t=0,5$ phút là

**A**$. 400 J$ **B**$. 1000 J$ **C**$. 200 J$ **D**$. 600 J$

**Hướng dẫn**

 (W)

. **Chọn D**

**Câu 6:** Trong hiện tượng giao thoa sóng trên mặt nước, khoảng cách giữa hai cực đại liên tiếp nằm trên đường nối tâm hai sóng có độ dài là

**A.** hai lần bước sóng **B.** một phần tư bước sóng

**C.** một bước sóng **D.** một nửa bước sóng

**Hướng dẫn**

**Chọn D**

**Câu 7:** Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, có phương trình lần lượt là $x\_{1}=6sin\left(πt+φ\_{1}\right)cm$ và $x\_{2}=8cos(πt+π/3)cm$. Khi biên độ dao động tổng hợp có giá trị $A=14 cm$ thì pha ban đầu của dao động thứ nhất là

**A**$. 2π/3rad$ **B**$. π/3rad$ **C**$. 5π/6rad$ **D**$. π/6rad$

**Hướng dẫn**

cùng pha . **Chọn C**

**Câu 8:** Một máy phát điện xoay chiều một pha có rôto gồm 4 cặp cực từ, rôto của máy quay đều với tốc độ 750 vòng/phút. Suất điện động do máy phát tạo ra có tần số bằng

**A**$. 60 Hz$ **B**$. 120 Hz$ **C**$. 50 Hz$ **D**$. 100 Hz$

**Hướng dẫn**

. **Chọn C**

**Câu 9:** Trong các đại lượng đặc trưng cho dòng điện xoay chiều sau dây, đại lượng nào có dùng giá trị hiệu dụng?

**A.** công suất **B.** tần số **C.** điện áp **D.** chu kì

**Hướng dẫn**

**Chọn C**

**Câu 10:** Trong dao động điều hòa của một con lắc lò xo, nếu tăng khối lượng của vật nặng thêm $50\%$ thì chu kì dao động của con lắc

**A.** tăng $\frac{3}{2}$ lần **B.** tăng $\frac{\sqrt{6}}{2}$ lần **C.** giảm $\frac{\sqrt{6}}{2}$ lần **D.** giảm $\frac{\sqrt{3}}{2}$ lần

**Hướng dẫn**

. **Chọn B**

**Câu 11:** Sóng truyền từ $M$ đến $N$ dọc theo phương truyền sóng với bước sóng bằng $120 cm$. Khoảng cách $d=MN$ bằng bao nhiêu biết sóng tại $N$ trễ pha hơn sóng tại $M$ một góc $π/2rad$

**A**$. d=30 cm$ **B**$. d=15 cm$ **C**$. d=24 cm$ **D**$. d=20 cm$

**Hướng dẫn**

. **Chọn A**

**Câu 12:** Chọn phát biểu sai khi nói về dao động tắt dần?

**A.** dao động tắt dần càng chậm nếu như năng lượng ban đầu truyền cho hệ dao động càng lớn và hệ số lực cản môi trường càng nhỏ

**B.** lực cản môi trường hay lực ma sát luôn sinh công âm

**C.** biên độ hay năng lượng dao động giảm dần theo thời gian

**D.** dao động tắt dần luôn có hại nên người ta phải tìm mọi cách để khắc phục dao động này

**Hướng dẫn**

Dao động tắt dần vừa có lợi, vừa có hại. **Chọn D**

**Câu 13:** Trong thí nghiệm giao thoa sóng trên mặt nước, hai nguồn kết hợp $A,B$ dao động cùng pha với tần số $20 Hz$, tại một điểm $M$ cách $A$ và $B$ lần lượt là $16 cm$ và $20 cm$, sóng có biên độ cực đại, giữa $M$ và đường trung trực của $AB$ có 3 dãy cực đại khác, tốc độ truyền sóng trên mặt nước là bao nhiêu?

**A**$. v=20 cm/s$ **B**$. v=40 cm/s$ **C**$. v=53,4 cm/s$ **D**$. v=26,7 cm/s$

**Hướng dẫn**



 (cm/s). **Chọn A**

**Câu 14:** Mạch điện xoay chiều RLC mắc nối tiếp đang có tính cảm kháng, khi tăng tần số của dòng điện xoay chiều thì hệ số công suất của mạch

**A.** giảm **B.** tăng **C.** không thay đổi **D.** bằng 1

**Hướng dẫn**

Đang có  mà  tăng

 giảm. **Chọn A**

**Câu 15:** Hai điểm $O\_{1},O\_{2}$ trên mặt nước dao động cùng biên độ, cùng pha. $BiếtO\_{1}O\_{2}=3 cm$. Giữa $O\_{1}$ và $O\_{2}$ có một gợn thẳng và 14 gợn lồi dạng hypebol mỗi bên. Khoảng cách giữa $O\_{1}$ và $O\_{2}$ đến gợn lồi gần nhất là $0,1 cm$. Bước sóng $λ$ có giá trị là

**A**$. λ=0,4 cm$ **B**$. λ=0,8 cm$ **C**$. λ=0,2 cm$ **D**$. λ=0,6 cm$

**Hướng dẫn**

. **Chọn C**

**Câu 16:** Hai con lắc đơn dao động tại cùng một vị trí có hiệu chiều dài bằng $30 cm$. Trong cùng một khoảng thời gian, con lắc thứ 1 thực hiện được 10 dao động thì con lắc thứ 2 thực hiện 20 dao động. Chiều dài con lắc thứ nhất là

**A**$. l\_{1}=10 cm$ **B**$. l\_{1}=60 cm$ **C**$. l\_{1}=40 cm$ **D**$. l\_{1}=50 cm$

**Hướng dẫn**

. **Chọn C**

**Câu 17:** Đặt vào hai bản tụ điện có điện dung $C=\frac{10^{-4}}{π}F$ một điện áp xoay chiều $u=120cos⁡(100πt-π/6)(V)$. Chọn biểu thức đúng về cường độ dòng điện qua tụ điện?

**A**$. i=12cos⁡(100πt+π/3)A$ **B**$. i=1200cos⁡(100πt+π/3)A$

**C**$. i=12cos⁡(100πt-2π/3)A$ **D**$. i=1,2cos⁡(100πt+π/3)A$

**Hướng dẫn**





. **Chọn D**

**Câu 18:** Khi tăng điện áp ở nơi truyền đi lên 50 lần thì công suất hao phí trên đường dây

**A.** tăng 2500 lần **B.** tăng 50 lần **C.** giảm 50 lần **D.** giảm 2500 lần

**Hướng dẫn**

 thì . **Chọn D**

**Câu 19:** Gia tốc tức thời trong dao động điều hòa biến đổi

**A.** lệch pha $π/4$ so với li độ **B.** ngược pha với li độ

**C.** lệch pha vuông góc so với li độ **D.** cùng pha với li độ

**Hướng dẫn**

. **Chọn B**

**Câu 20:** Một con lắc lò xo thẳng đứng gồm lò xo có độ cứng k, vật có khối lượng $m$, chiều dài tự nhiên $125 cm$. Chọn gốc tọa độ ở VTCB, trục $Ox$ thẳng đứng, chiều dương hướng xuống. Vật dao động với phương trình $x=10sin(2πt-π/6)cm$. Lấy $g=10 m/s^{2},π^{2}≈10$. Chiều dài của lò xo ở thời điểm $t=0$ là

**A**$. 122,5 cm$ **B**$. 115 cm$ **C**$. 150 cm$ **D**$. 145 cm$

**Hướng dẫn**





. **Chọn D**

**Câu 21:** Một sóng cơ học lan truyền trên một phương truyền sóng với tốc độ $v=40 cm/s$. Phương trình sóng của một điểm $O$ trên phương truyền sóng đó là $u\_{O}=2cosπt (cm)$. Phương trình sóng tại điểm $M$ nằm trước $O$ và cách $O$ một đoạn $10 cm$ là

**A**$. u\_{M}=2cos(πt-3π/4)cm$ **B**$. u\_{M}=2cos(πt-π)cm$

**C**$. u\_{M}=2cos(πt+π/4)cm$ **D**$. u\_{M}=2cos(πt)cm$

**Hướng dẫn**

. **Chọn C**

**Câu 22:** Cho mạch điện xoay chiều RLC nối tiếp. Đặt vào hai đầu đoạn mạch một điện áp $u=U\_{0}cosωt(V)$. Công thức tính tổng trở của mạch là

**A**$. Z=R^{2}+\left(ωL-\frac{1}{ωC}\right)^{2}$ **B**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωC-\frac{1}{ωL}\right)^{2}}$

**C**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωL+\frac{1}{ωC}\right)^{2}}$ **D**$. Z=\sqrt{R^{2}+\left(ωL-\frac{1}{ωC}\right)^{2}}$

**Hướng dẫn**

. **Chọn D**

**Câu 23:** Một chất điểm dao động điều hòa có phương trình $x=4cos(πt+π/4)cm$. Tại thời điểm $t=1 s$, tính chất chuyển động của vật là

**A.** nhanh dần theo chiều dương **B.** chậm dần theo chiều âm

**C.** chậm dần theo chiều dương **D.** nhanh dần theo chiều âm

**Hướng dẫn**

nhanh dần theo chiều dương. **Chọn A**

**Câu 24:** Một sóng âm truyền từ không khí vào nước thì

**A.** tần số và bước sóng đều thay đổi

**B.** tần số không thay đổi, còn bước sóng giảm

**C.** tần số thay đổi, còn bước sóng không thay đổi

**D.** tần số không thay đổi, còn bước sóng tăng

**Hướng dẫn**

 với f không đổi và v tăng nên $λ$ tăng. **Chọn D**

**Câu 25:** Một vật thực hiện đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số có phương trình $x\_{1}=A\_{1}sin\left(ωt+φ\_{1}\right)cm,x\_{2}=A\_{2}sin⁡\left(ωt+φ\_{2}\right)cm$ thì biên độ của dao động tổng hợp lớn nhất khi

**A**$. φ\_{2}-φ\_{1}=k2π$ **B**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)\frac{π}{4}$

**C**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)π$ **D**$. φ\_{2}-φ\_{1}=(2k+1)\frac{π}{2}$

**Hướng dẫn**

Cùng pha. **Chọn A**

**Câu 26:** Tốc độ truyền sóng cơ học phụ thuộc vào

**A.** bản chất của môi trường truyền sóng **B.** biên độ sóng

**C.** bước sóng **D.** tần số sóng

**Hướng dẫn**

**Chọn A**

**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây là không đúng. Trong mạch điện xoay chiều không phân nhánh khi điện dung của tụ điện thay đổi và thỏa mãn điều kiện $ω=\frac{1}{\sqrt{LC}}$ thì

**A.** cường độ dòng điện hiệu dụng trong mạch đạt cực đại

**B.** cường độ dòng điện cùng pha với điện áp giữa hai đầu đoạn mạch

**C.** điện áp hiệu dụng giữa hai đầu tụ điện đạt cực đại

**D.** công suất tiêu thụ trung bình trong mạch đạt cực đại

**Hướng dẫn**

Cộng hưởng. **Chọn C**

**Câu 28:** Một con lắc đơn chiều dài $l$, dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường với biên độ góc nhỏ. Chu kì dao động của nó là

**A**$. T=\sqrt{\frac{g}{l}}$ **B**$. T=\frac{1}{2π}\sqrt{\frac{l}{g}}$ **C**$. T=2π\sqrt{\frac{g}{l}}$ **D**$. T=2π\sqrt{\frac{l}{g}}$

**Hướng dẫn**

**Chọn D**

**Câu 29:** Sóng âm nghe được là sóng cơ học dọc có tần số nằm trong khoảng

**A**$. 16 Hz$ đến $20MHz$ **B**$. 16 Hz$ đến $2.10^{4} Hz$ **C**$. 16 Hz$ đến $200KHz$ **D**$. 16 Hz$ đến $2KHz$

**Hướng dẫn**

**Chọn B**

**Câu 30:** Một con lắc đơn có chiều dài dây treo $l$, dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường g. Khi tăng chiều dài dây treo thêm $21\%$ thì tần số dao động của con lắc sẽ

**A.** giảm $21\%$ **B.** tăng $11\%$ **C.** giảm $11\%$ **D.** giảm $9\%$

**Hướng dẫn**

. **Chọn D**

**Câu 31:** Dây $AB$ dài $40 cm$ căng ngang, 2 đầu cố định, khi có sóng dừng thì tại $M$ là bụng thứ 4 (kể từ $B$), biết $BM=14 cm$. Tổng số bụng sóng trên dây $AB$ là

**A.** 11 **B.** 10 **C.** 12 **D.** 9

**Hướng dẫn**



. **Chọn B**

**Câu 32:** Cho đoạn mạch RL nối tiếp, điện áp hai đầu đoạn mạch có dạng $u=100\sqrt{2}sin100πt(V)$ thì biểu thức dòng điện qua mạch là $i=2\sqrt{2}sin(100πt-π/6)(A)$. Tìm giá trị của R

**A**$. R=25\sqrt{3}Ω$ **B**$. R=20Ω$ **C**$. R=25Ω$ **D**$. R=30Ω$

**Hướng dẫn**

. **Chọn A**

**Câu 33:** Biểu thức hiệu điện thế hai đầu một đoạn mạch $u=200cosωt (V)$. Tại thời điểm $t$, điện áp $u=100V$ và đang tăng. Hỏi vào thời điểm $t^{'}=t+\frac{T}{4}$ điện áp u có giá trị bằng bao nhiêu?

**A**$. -100 V$ **B**$. 100 V$ **C**$. 100\sqrt{3} V$ **D**$. 100\sqrt{2} V$

**Hướng dẫn**

Vuông pha . **Chọn C**

**Câu 34:** Một vật dao động điều hòa trên trục $Ox$ với chu kì 12 giây. Trong 4 giây đầu vật đi quãng đường $S$, trong 2 giây tiếp theo đi được quãng đường S. Trong 2 giây tiếp theo vật đi được quãng đường là

**A**$. \frac{\sqrt{2}}{2}S$ **B**$. \frac{1}{2}S$ **C**$. \frac{\sqrt{3}+1}{2}S$ **D**$. \frac{\sqrt{3}}{2}S$

**Hướng dẫn**

Trong  đi được 

Trong  đi được quãng đường S thì vật đi từ  đến (đối xứng qua vtcb)

Trong 2s tiếp theo sẽ đi từ  đến biên được quãng đường là . **Chọn B**

**Câu 35:** Đặt điện áp xoay chiều $u=U\sqrt{2}cos⁡(ωt+φ)(V)$ không đổi vào hai đầu đoạn mạch $AB$. Hình bên gồm đoạn mạch $AB$ và đồ thị biểu diễn điện áp $u\_{AN}$ và $u\_{MB}$ phụ thuộc vào thời gian $t$. Biết công suất tiêu thụ trên đoạn mạch $AM$ bằng công suất tiêu thụ trên đoạn MN. Điện áp hiệu dụng U gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**$. 29 V$ **B**$. 16 V$

**C**$. 38 V$ **D**$. 20 V$

**Hướng dẫn**







. **Chọn A**

**Câu 36:** Một sợi dây đàn hồi có chiều dài $84 cm$ với hai đầu cố định đang có sóng dừng. Trong các phần tử trên dây mà tại đó sóng tới và sóng phản xạ lệch nhau $\pm \frac{π}{3}+2kπ$ (k là các số nguyên) thì hai phần tử dao động ngược pha cách nhau gần nhất là $8 cm$. Trên dây, khoảng cách xa nhất giữa hai phần tử dao động cùng pha với biên độ bằng một nửa biên độ của bụng sóng là

**A**$. 80 cm$ **B**$. 64 cm$ **C**$. 76 cm$ **D**$. 68 cm$

**Hướng dẫn**



Hai điểm ngược pha có biên độ  gần nhau nhất đối xứng qua nút 



Hai điểm cùng pha có biên độ  xa nhau nhất thuộc bó 1 và bó 7 cách đầu cố định 

. **Chọn A**

**Câu 37:** Ở mặt chất lỏng, tại hai điểm $A$ và $B$ có hai nguồn dao động cùng pha theo phương vuông góc với mặt chất lỏng phát ra hai dòng kết hợp với bước sóng $λ$. Gọi $C,D$ là hai điểm ở mặt chất lỏng sao cho $ABCD$ là hình vuông. I là trung điểm của $AB,M$ là một điểm nằm ngang trong hình vuông $ABCD$ xa I nhất mà phần từ chất lỏng tại đó dao động với biên độ cực đại và cùng pha với nguồn. Biết $AB=2,4λ$. Độ dài đoạn thẳng $MI$ gần nhất giá trị nào sau đây?

**A**$. 2,25λ$ **B**$. 1,88λ$ **C**$. 2,29λ$ **D**$. 1,6λ$

**Hướng dẫn**

ĐK cực đại cùng pha nguồn  với ,  nguyên dương. Chuẩn hóa 

Vì tính đối xứng nên ta chỉ xét trên nửa phần bên phải



Với  và  thì tính toán thấy M nằm trong hình vuông

Vậy . **Chọn A**

**Câu 38:** Một lò xo nhẹ nằm ngang có độ cứng $100 N/m$, một đầu gắn vào điểm cố định, đầu kia gắn với vật nhỏ có khối lượng $100 g$. Từ vị trí cân bằng, kéo vật đến vị trí lò xo dãn $5 cm$ rồi buông nhẹ cho vật dao động điều hòa. Bỏ qua mọi ma sát. Lấy $π^{2}=10$. Khi vật cách vị trí cân bằng 2,5cm, người ta đột ngột giữ chặt điểm chính giữa của lò xo. Sau đó, tốc độ dao động cực đại của vật gần bằng

**A**$. 148 cm/s$ **B**$. 105 cm/s$ **C**$. 47 cm/s$ **D**$. 158 cm/s$

**Hướng dẫn**

 (rad/s)

 (cm/s)

Giữ điểm chính giữa thì  (N/m) và 

 (rad/s)

 (cm)

. **Chọn A**

**Câu 39:** Hai điểm $M,N$ cùng nằm trên một phương truyền sóng cách nhau $λ/6$. Tại thời điểm $t$, khi li độ dao động tại $M$ là $u\_{M}=+3 mm$ thì li độ dao động tại $N$ là $u\_{N}=-3 mm$. Biên độ sóng bằng

**A**$. 2\sqrt{3} mm$ **B**$. 3\sqrt{2} mm$ **C**$. 6 mm$ **D**$. 4 mm$

**Hướng dẫn**



. **Chọn C**

**Câu 40:** Đặt một điện áp xoay chiều $u=U\sqrt{2}cos⁡ωt(V)$ (với U không đổi, $ω$ có thể thay đổi được) vào một đoạn mạch gồm có điện trở R, tụ điện và cuộn cảm thuần có hệ số tự cảm là $\frac{1,6}{π}H$ mắc nối tiếp. Khi $ω=ω\_{0}$ thì công suất tiêu thụ trên đoạn mạch đạt giá trị cực đại và bằng $732 W$. Khi $ω=ω\_{1}$ hoặc $ω=ω\_{2}$ thì công suất tiêu thụ trên đoạn mạch trong hai trường hợp đều bằng 300 W. Biết $ω\_{1}-ω\_{2}=120π(rad/s)$. Giá trị của R bằng

**A**$. 400Ω$ **B**$. 240,3Ω$ **C**$. 160Ω$ **D**$. 133,3Ω$

**Hướng dẫn**



. **Chọn C**

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 2.D | 3.D | 4.A | 5.D | 6.D | 7.C | 8.C | 9.C | 10.B |
| 11.A | 12.D | 13.A | 14.A | 15.C | 16.C | 17.D | 18.D | 19.B | 20.D |
| 21.C | 22.D | 23.A | 24.D | 25.A | 26.A | 27.C | 28.D | 29.B | 30.D |
| 31.B | 32.A | 33.C | 34.B | 35.A | 36.A | 37.A | 38.A | 39.C | 40.C |